

Số 125-QĐ/HNDT

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 02 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

V/v giao chỉ tiêu thi đua năm 2024

- Căn cứ Luật Thi đua - Khen thưởng năm 2022;
- Căn cứ Quyết định số 1218-QĐ/HNDTW ngày 24/12/2014 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 434-QĐ/HNDT ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên;
- Căn cứ Công văn số 53-CV/HNDTW ngày 18/01/2024 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc dự kiến giao chỉ tiêu thi đua năm 2024;

Xét đề nghị của Văn phòng Hội Nông dân tỉnh,

### BAN THƯỜNG VỤ HỘI NÔNG DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu thi đua công tác Hội và phong trào nông dân năm 2024 cho Hội Nông dân các huyện, thành phố (Kèm theo biểu giao chỉ tiêu thi đua).

**Điều 2.** Ban Thường vụ Hội Nông dân các huyện, thành phố có trách nhiệm triển khai, chỉ đạo các cấp Hội thực hiện hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu thi đua năm 2024.

**Điều 3.** Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Hội Nông dân tỉnh, các Ban chuyên môn, Văn phòng, Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân, Ban Thường vụ Hội Nông dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh Hội;
- Các đ/c phụ trách huyện;
- Các Ban chuyên môn, VP, TTDN;
- HND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, VP.  
(KiếnNđ/01b).

T/M BAN THƯỜNG VỤ  
CHỦ TỊCH



Ngô Thế Hoàn


**BIỂU GIAO CHỈ TIÊU THI ĐUA NĂM 2024**  
**TÊN ĐƠN VỊ: HỘI NÔNG DÂN HUYỆN VÕ NHAİ**  
*(Kèm theo Quyết định số 125-QĐ/HNDT ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao năm 2024
1	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, Nghị quyết của Đảng, CSPL của Nhà nước và NQ của Hội cho hội viên, nông dân	Hội viên	9.565
2	Kết nạp hội viên mới	Hội viên	560
3	HND cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát	Cuộc	01
4	HND cấp huyện phối hợp tổ chức phản biện xã hội	Cuộc	01
5	Cơ sở Hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Cơ sở	05
	Cơ sở Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ	Cơ sở	15
6	Thành lập mới tổ Hội nông dân nghề nghiệp	Tổ Hội	10
	Thành lập mới chi Hội nông dân nghề nghiệp	Chi Hội	02
7	Số chi Hội đảm bảo quỹ hoạt động Hội	Chi Hội	153
	Mức quỹ bình quân/hội viên	Đồng	100.000
8	<b>Danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi</b>		
	Hộ nông dân đăng ký phần đầu SXKD giỏi các cấp	Hộ	5.000
	Hộ nông dân đạt danh hiệu hộ SXKD giỏi các cấp	Hộ	2.500
9	<b>Danh hiệu gia đình văn hóa</b>		
	Hộ nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa	Hộ	8.500
	Hộ nông dân đạt gia đình văn hóa	Hộ	7.650
10	<b>Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp</b>	THT	03
	<b>Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã nông nghiệp</b>	HTX	01
	Số hội viên tham gia Tổ hợp tác, Hợp tác xã (tính tổng số hội viên tham gia các THT, HTX lũy kế đến năm 2024)	Hội viên	750
11	<b>Tăng trưởng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân</b>	Triệu đồng	200
	Trong đó 2% là vận động từ nguồn ngoài ngân sách	Triệu đồng	04
12	Số hội viên tham gia bảo hiểm y tế	Người	9.355
13	Số hội viên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	80
14	Hộ, hội viên nông dân sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm	Hộ	9.500

15	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng cho nông dân xuất sắc, nông dân SXKD giỏi cấp huyện trở lên	Người	100
16	Số cán bộ Hội chuyên trách các cấp và Chi hội trưởng chi Hội Nông dân được trang bị kiến thức về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, nghiệp vụ công tác Hội	L. người	150
17	Số cơ sở Hội xây dựng được mô hình bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Cơ sở	15
18	Hỗ trợ hộ nông dân có tài khoản trên sàn thương mại điện tử	Hộ	400
19	Trực tiếp, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nghề cho hội viên và lao động nông thôn	Người	400
20	Cơ sở hội xây dựng mới được mô hình tự quản về an ninh trật tự	Mô hình	03



## BIỂU GIAO CHỈ TIÊU THI ĐUA NĂM 2024

TÊN ĐƠN VỊ: HỘI NÔNG DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 125-QĐ/HNDT ngày 06/02/2024  
của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao năm 2024
1	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, Nghị quyết của Đảng, CSPL của Nhà nước và NQ của Hội cho hội viên, nông dân	Hội viên	23.494
2	Kết nạp hội viên mới	Hội viên	390
3	HND cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát	Cuộc	01
4	HND cấp huyện phối hợp tổ chức phản biện xã hội	Cuộc	01
5	Cơ sở Hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Cơ sở	12
	Cơ sở Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ	Cơ sở	32
6	Thành lập mới tổ Hội nông dân nghề nghiệp	Tổ Hội	10
	Thành lập mới chi Hội nông dân nghề nghiệp	Chi Hội	02
7	Số chi Hội đảm bảo quỹ hoạt động Hội	Chi Hội	282
	Mức quỹ bình quân/hội viên	Đồng	160.000
8	<b>Danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi</b>		
	Hội nông dân đăng ký phần đầu SXKD giỏi các cấp	Hộ	12.000
	Hội nông dân đạt danh hiệu hộ SXKD giỏi các cấp	Hộ	6.000
9	<b>Danh hiệu gia đình văn hóa</b>		
	Hội nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa	Hộ	20.000
	Hội nông dân đạt gia đình văn hóa	Hộ	18.000
10	Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp	THT	04
	Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã nông nghiệp	HTX	01
	Số hội viên tham gia Tổ hợp tác, Hợp tác xã (tính tổng số hội viên tham gia các THT, HTX lũy kế đến năm 2024)	Hội viên	850
11	Tăng trưởng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân	Triệu đồng	150
	Trong đó 2% là vận động từ nguồn ngoài ngân sách	Triệu đồng	03
12	Số hội viên tham gia bảo hiểm y tế	Người	22.977
13	Số hội viên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	110
14	Hộ, hội viên nông dân sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm	Hộ	18.800

15	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng cho nông dân xuất sắc, nông dân SXKD giỏi cấp huyện trở lên	Người	130
16	Số cán bộ Hội chuyên trách các cấp và Chi hội trưởng chi Hội Nông dân được trang bị kiến thức về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, nghiệp vụ công tác Hội	L. người	280
17	Số cơ sở Hội xây dựng được mô hình bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Cơ sở	32
18	Hỗ trợ hộ nông dân có tài khoản trên sàn thương mại điện tử	Hộ	600
19	Trực tiếp, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nghề cho hội viên và lao động nông thôn	Người	600
20	Cơ sở hội xây dựng mới được mô hình tự quản về an ninh trật tự	Mô hình	06



**BIỂU GIAO CHỈ TIÊU THI ĐUA NĂM 2024**  
TÊN ĐƠN VỊ: HỘI NÔNG DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG  
(Kèm theo Quyết định số 125-QĐ/HNDT ngày 06/02/2024  
của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao năm 2024
1	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, Nghị quyết của Đảng, CSPL của Nhà nước và NQ của Hội cho hội viên, nông dân	Hội viên	7.787
2	Kết nạp hội viên mới	Hội viên	230
3	HND cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát	Cuộc	01
4	HND cấp huyện phối hợp tổ chức phản biện xã hội	Cuộc	01
5	Cơ sở Hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Cơ sở	04
	Cơ sở Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ	Cơ sở	10
6	Thành lập mới tổ Hội nông dân nghề nghiệp	Tổ Hội	10
	Thành lập mới chi Hội nông dân nghề nghiệp	Chi Hội	02
7	Số chi Hội đảm bảo quỹ hoạt động Hội	Chi Hội	132
	Mức quỹ bình quân/hội viên	Đồng	200.000
8	<b>Danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi</b>		
	Hộ nông dân đăng ký phần đầu SXKD giỏi các cấp	Hộ	4.600
	Hộ nông dân đạt danh hiệu hộ SXKD giỏi các cấp	Hộ	2.300
9	<b>Danh hiệu gia đình văn hóa</b>		
	Hộ nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa	Hộ	7.000
	Hộ nông dân đạt gia đình văn hóa	Hộ	6.300
10	Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp	THT	04
	Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã nông nghiệp	HTX	01
	Số hội viên tham gia Tổ hợp tác, Hợp tác xã (tính tổng số hội viên tham gia các THT, HTX lũy kế đến năm 2024)	Hội viên	750
11	Tăng trưởng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân	Triệu đồng	200
	Trong đó 2% là vận động từ nguồn ngoài ngân sách	Triệu đồng	04
12	Số hội viên tham gia bảo hiểm y tế	Người	7.616
13	Số hội viên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	110
14	Hộ, hội viên nông dân sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm	Hộ	7.400

15	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng cho nông dân xuất sắc, nông dân SXKD giỏi cấp huyện trở lên	Người	130
16	Số cán bộ Hội chuyên trách các cấp và Chi hội trưởng chi Hội Nông dân được trang bị kiến thức về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, nghiệp vụ công tác Hội	L. người	130
17	Số cơ sở Hội xây dựng được mô hình bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Cơ sở	10
18	Hỗ trợ hộ nông dân có tài khoản trên sàn thương mại điện tử	Hộ	500
19	Trực tiếp, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nghề cho hội viên và lao động nông thôn	Người	500
20	Cơ sở hội xây dựng mới được mô hình tự quản về an ninh trật tự	Mô hình	03



# BIỂU GIAO CHỈ TIÊU THI ĐUA NĂM 2024

TÊN ĐƠN VỊ: HỘI NÔNG DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 125-QĐ/HNDT ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao năm 2024
1	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, Nghị quyết của Đảng, CSPL của Nhà nước và NQ của Hội cho hội viên, nông dân	Hội viên	16.183
2	Kết nạp hội viên mới	Hội viên	420
3	HND cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát	Cuộc	01
4	HND cấp huyện phối hợp tổ chức phản biện xã hội	Cuộc	01
5	Cơ sở Hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Cơ sở	05
	Cơ sở Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ	Cơ sở	15
6	Thành lập mới tổ Hội nông dân nghề nghiệp	Tổ Hội	10
	Thành lập mới chi Hội nông dân nghề nghiệp	Chi Hội	02
7	Số chi Hội đảm bảo quỹ hoạt động Hội	Chi Hội	214
	Mức quỹ bình quân/hội viên	Đồng	200.000
8	Danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi		
	Hộ nông dân đăng ký phần đấu SXKD giỏi các cấp	Hộ	9.000
	Hộ nông dân đạt danh hiệu hộ SXKD giỏi các cấp	Hộ	4.500
9	Danh hiệu gia đình văn hóa		
	Hộ nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa	Hộ	15.000
	Hộ nông dân đạt gia đình văn hóa	Hộ	13.500
10	Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp	THT	03
	Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã nông nghiệp	HTX	01
	Số hội viên tham gia Tổ hợp tác, Hợp tác xã (tính tổng số hội viên tham gia các THT, HTX lũy kế đến năm 2024)	Hội viên	750
11	Tăng trưởng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân	Triệu đồng	200
	Trong đó 2% là vận động từ nguồn ngoài ngân sách	Triệu đồng	04
12	Số hội viên tham gia bảo hiểm y tế	Người	15.827
13	Số hội viên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	95
14	Hộ, hội viên nông dân sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm	Hộ	13.700

15	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng cho nông dân xuất sắc, nông dân SXKD giỏi cấp huyện trở lên	Người	100
16	Số cán bộ Hội chuyên trách các cấp và Chi hội trưởng chi Hội Nông dân được trang bị kiến thức về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, nghiệp vụ công tác Hội	L. người	200
17	Số cơ sở Hội xây dựng được mô hình bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Cơ sở	15
18	Hỗ trợ hộ nông dân có tài khoản trên sàn thương mại điện tử	Hộ	500
19	Trực tiếp, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nghề cho hội viên và lao động nông thôn	Người	500
20	Cơ sở hội xây dựng mới được mô hình tự quản về an ninh trật tự	Mô hình	03




**BIỂU GIAO CHỈ TIÊU THI ĐUA NĂM 2024**  
**TÊN ĐƠN VỊ: HỘI NÔNG DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 125-QĐ/HNDT ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao năm 2024
1	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, Nghị quyết của Đảng, CSPL của Nhà nước và NQ của Hội cho hội viên, nông dân	Hội viên	22.471
2	Kết nạp hội viên mới	Hội viên	230
3	HND cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát	Cuộc	01
4	HND cấp huyện phối hợp tổ chức phản biện xã hội	Cuộc	01
5	Cơ sở Hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Cơ sở	07
	Cơ sở Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ	Cơ sở	20
6	Thành lập mới tổ Hội nông dân nghề nghiệp	Tổ Hội	10
	Thành lập mới chi Hội nông dân nghề nghiệp	Chi Hội	02
7	Số chi Hội đảm bảo quỹ hoạt động Hội	Chi Hội	276
	Mức quỹ bình quân/hội viên	Đồng	120.000
8	<b>Danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi</b>		
	Hộ nông dân đăng ký phần đấu SXKD giỏi các cấp	Hộ	11.000
	Hộ nông dân đạt danh hiệu hộ SXKD giỏi các cấp	Hộ	5.500
9	<b>Danh hiệu gia đình văn hóa</b>		
	Hộ nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa	Hộ	20.000
	Hộ nông dân đạt gia đình văn hóa	Hộ	18.000
10	Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp	THT	04
	Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã nông nghiệp	HTX	02
	Số hội viên tham gia Tổ hợp tác, Hợp tác xã (tính tổng số hội viên tham gia các THT, HTX lũy kế đến năm 2024)	Hội viên	850
11	Tăng trưởng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân	Triệu đồng	100
	Trong đó 2% là vận động từ nguồn ngoài ngân sách	Triệu đồng	02
12	Số hội viên tham gia bảo hiểm y tế	Người	21.997
13	Số hội viên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	110
14	Hộ, hội viên nông dân sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm	Hộ	19.200

15	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng cho nông dân xuất sắc, nông dân SXKD giỏi cấp huyện trở lên	Người	130
16	Số cán bộ Hội chuyên trách các cấp và Chi hội trưởng chi Hội Nông dân được trang bị kiến thức về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, nghiệp vụ công tác Hội	L. người	270
17	Số cơ sở Hội xây dựng được mô hình bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Cơ sở	20
18	Hỗ trợ hộ nông dân có tài khoản trên sàn thương mại điện tử	Hộ	600
19	Trực tiếp, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nghề cho hội viên và lao động nông thôn	Người	600
20	Cơ sở hội xây dựng mới được mô hình tự quản về an ninh trật tự	Mô hình	05



# BIỂU GIAO CHỈ TIÊU THI ĐUA NĂM 2024

TÊN ĐƠN VỊ: HỘI NÔNG DÂN THÀNH PHỐ PHỒ YÊN

(Kèm theo Quyết định số 125-QĐ/HNDT ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao năm 2024
1	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, Nghị quyết của Đảng, CSPL của Nhà nước và NQ của Hội cho hội viên, nông dân	Hội viên	22.195
2	Kết nạp hội viên mới	Hội viên	160
3	HND cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát	Cuộc	01
4	HND cấp huyện phối hợp tổ chức phản biện xã hội	Cuộc	01
5	Cơ sở Hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Cơ sở	06
	Cơ sở Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ	Cơ sở	18
6	Thành lập mới tổ Hội nông dân nghề nghiệp	Tổ Hội	10
	Thành lập mới chi Hội nông dân nghề nghiệp	Chi Hội	02
7	Số chi Hội đảm bảo quỹ hoạt động Hội	Chi Hội	283
	Mức quỹ bình quân/hội viên	Đồng	152.000
8	Danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi		
	Hộ nông dân đăng ký phân đấu SXKD giỏi các cấp	Hộ	13.000
	Hộ nông dân đạt danh hiệu hộ SXKD giỏi các cấp	Hộ	6.500
9	Danh hiệu gia đình văn hóa		
	Hộ nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa	Hộ	20.000
	Hộ nông dân đạt gia đình văn hóa	Hộ	18.000
10	Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp	THT	04
	Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã nông nghiệp	HTX	01
	Số hội viên tham gia Tổ hợp tác, Hợp tác xã (tính tổng số hội viên tham gia các THT, HTX lũy kế đến năm 2024)	Hội viên	850
11	Tăng trưởng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân	Triệu đồng	150
	Trong đó 2% là vận động từ nguồn ngoài ngân sách	Triệu đồng	03
12	Số hội viên tham gia bảo hiểm y tế	Người	21.707
13	Số hội viên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	110
14	Hộ, hội viên nông dân sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm	Hộ	18.500

15	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng cho nông dân xuất sắc, nông dân SXKD giỏi cấp huyện trở lên	Người	130
16	Số cán bộ Hội chuyên trách các cấp và Chi hội trưởng chi Hội Nông dân được trang bị kiến thức về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, nghiệp vụ công tác Hội	L. người	280
17	Số cơ sở Hội xây dựng được mô hình bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Cơ sở	18
18	Hỗ trợ hộ nông dân có tài khoản trên sàn thương mại điện tử	Hộ	600
19	Trực tiếp, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nghề cho hội viên và lao động nông thôn	Người	600
20	Cơ sở hội xây dựng mới được mô hình tự quản về an ninh trật tự	Mô hình	05

*Handwritten signature or mark in blue ink.*



# BIỂU GIAO CHỈ TIÊU THI ĐUA NĂM 2024

TÊN ĐƠN VỊ: HỘI NÔNG DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ

(Kèm theo Quyết định số 125-QĐ/HNDT ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao năm 2024
1	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, Nghị quyết của Đảng, CSPL của Nhà nước và NQ của Hội cho hội viên, nông dân	Hội viên	14.432
2	Kết nạp hội viên mới	Hội viên	420
3	HND cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát	Cuộc	01
4	HND cấp huyện phối hợp tổ chức phản biện xã hội	Cuộc	01
5	Cơ sở Hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Cơ sở	05
	Cơ sở Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ	Cơ sở	15
6	Thành lập mới tổ Hội nông dân nghề nghiệp	Tổ Hội	10
	Thành lập mới chi Hội nông dân nghề nghiệp	Chi Hội	02
7	Số chi Hội đảm bảo quỹ hoạt động Hội	Chi Hội	142
	Mức quỹ bình quân/hội viên	Đồng	120.000
8	<b>Danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi</b>		
	Hội nông dân đăng ký phần đấu SXKD giỏi các cấp	Hộ	8.500
	Hội nông dân đạt danh hiệu hộ SXKD giỏi các cấp	Hộ	4.250
9	<b>Danh hiệu gia đình văn hóa</b>		
	Hội nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa	Hộ	12.900
	Hội nông dân đạt gia đình văn hóa	Hộ	11.610
10	Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp	THT	03
	Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã nông nghiệp	HTX	02
	Số hội viên tham gia Tổ hợp tác, Hợp tác xã (tính tổng số hội viên tham gia các THT, HTX lũy kế đến năm 2024)	Hội viên	750
11	Tăng trưởng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân	Triệu đồng	100
	Trong đó 2% là vận động từ nguồn ngoài ngân sách	Triệu đồng	02
12	Số hội viên tham gia bảo hiểm y tế	Người	14.114
13	Số hội viên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	95
14	Hộ, hội viên nông dân sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm	Hộ	11.900

15	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng cho nông dân xuất sắc, nông dân SXKD giỏi cấp huyện trở lên	Người	100
16	Số cán bộ Hội chuyên trách các cấp và Chi hội trưởng chi Hội Nông dân được trang bị kiến thức về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, nghiệp vụ công tác Hội	L. người	140
17	Số cơ sở Hội xây dựng được mô hình bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Cơ sở	15
18	Hỗ trợ hộ nông dân có tài khoản trên sàn thương mại điện tử	Hộ	600
19	Trực tiếp, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nghề cho hội viên và lao động nông thôn	Người	600
20	Cơ sở hội xây dựng mới được mô hình tự quản về an ninh trật tự	Mô hình	03



# BIỂU GIAO CHỈ TIÊU THI ĐUA NĂM 2024

TÊN ĐƠN VỊ: HỘI NÔNG DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA

(Kèm theo Quyết định số 125-QĐ/HNDT ngày 06/02/2024 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao năm 2024
1	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, Nghị quyết của Đảng, CSPL của Nhà nước và NQ của Hội cho hội viên, nông dân	Hội viên	15.580
2	Kết nạp hội viên mới	Hội viên	580
3	HND cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát	Cuộc	01
4	HND cấp huyện phối hợp tổ chức phản biện xã hội	Cuộc	01
5	Cơ sở Hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Cơ sở	07
	Cơ sở Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ	Cơ sở	23
6	Thành lập mới tổ Hội nông dân nghề nghiệp	Tổ Hội	10
	Thành lập mới chi Hội nông dân nghề nghiệp	Chi Hội	02
7	Số chi Hội đảm bảo quỹ hoạt động Hội	Chi Hội	228
	Mức quỹ bình quân/hội viên	Đồng	180.000
8	<b>Danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi</b>		
	Hội nông dân đăng ký phần đấu SXKD giỏi các cấp	Hộ	9.200
	Hội nông dân đạt danh hiệu hộ SXKD giỏi các cấp	Hộ	4.600
9	<b>Danh hiệu gia đình văn hóa</b>		
	Hội nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa	Hộ	14.600
	Hội nông dân đạt gia đình văn hóa	Hộ	13.140
10	Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp	THT	03
	Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã nông nghiệp	HTX	02
	Số hội viên tham gia Tổ hợp tác, Hợp tác xã (tính tổng số hội viên tham gia các THT, HTX lũy kế đến năm 2024)	Hội viên	750
11	Tăng trưởng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân	Triệu đồng	250
	Trong đó 2% là vận động từ nguồn ngoài ngân sách	Triệu đồng	05
12	Số hội viên tham gia bảo hiểm y tế	Người	15.237
13	Số hội viên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	80
14	Hộ, hội viên nông dân sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm	Hộ	14.200

15	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng cho nông dân xuất sắc, nông dân SXKD giỏi cấp huyện trở lên	Người	100
16	Số cán bộ Hội chuyên trách các cấp và Chi hội trưởng chi Hội Nông dân được trang bị kiến thức về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, nghiệp vụ công tác Hội	L. người	220
17	Số cơ sở Hội xây dựng được mô hình bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Cơ sở	23
18	Hỗ trợ hộ nông dân có tài khoản trên sàn thương mại điện tử	Hộ	400
19	Trực tiếp, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nghề cho hội viên và lao động nông thôn	Người	400
20	Cơ sở hội xây dựng mới được mô hình tự quản về an ninh trật tự	Mô hình	04





# BIỂU GIAO CHỈ TIÊU THI ĐUA NĂM 2024

TÊN ĐƠN VỊ: HỘI NÔNG DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ

(Kèm theo Quyết định số 125-QĐ/HNDT ngày 06/02/2024  
của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu giao năm 2024
1	Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, Nghị quyết của Đảng, CSPL của Nhà nước và NQ của Hội cho hội viên, nông dân	Hội viên	30.256
2	Kết nạp hội viên mới	Hội viên	580
3	HND cấp huyện trực tiếp tổ chức giám sát	Cuộc	01
4	HND cấp huyện phối hợp tổ chức phản biện xã hội	Cuộc	01
5	Cơ sở Hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Cơ sở	09
	Cơ sở Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ	Cơ sở	27
6	Thành lập mới tổ Hội nông dân nghề nghiệp	Tổ Hội	10
	Thành lập mới chi Hội nông dân nghề nghiệp	Chi Hội	2
7	Số chi Hội đảm bảo quỹ hoạt động Hội	Chi Hội	398
	Mức quỹ bình quân/hội viên	Đồng	135.000
8	<b>Danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi</b>		
	Hộ nông dân đăng ký phần đấu SXKD giỏi các cấp	Hộ	17.000
	Hộ nông dân đạt danh hiệu hộ SXKD giỏi các cấp	Hộ	8.500
9	<b>Danh hiệu gia đình văn hóa</b>		
	Hộ nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa	Hộ	29.000
	Hộ nông dân đạt gia đình văn hóa	Hộ	26.100
10	Hỗ trợ thành lập mới Tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp	THT	4
	Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã nông nghiệp	HTX	2
	Số hội viên tham gia Tổ hợp tác, Hợp tác xã (tính tổng số hội viên tham gia các THT, HTX lũy kế đến năm 2024)	Hội viên	850
11	Tăng trưởng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân	Triệu đồng	200
	Trong đó 2% là vận động từ nguồn ngoài ngân sách	Triệu đồng	04
12	Số hội viên tham gia bảo hiểm y tế	Người	29.590
13	Số hội viên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	95

14	Hộ, hội viên nông dân sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm	Hộ	27.800
15	Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng cho nông dân xuất sắc, nông dân SXKD giỏi cấp huyện trở lên	Người	100
16	Số cán bộ Hội chuyên trách các cấp và Chi hội trưởng chi Hội Nông dân được trang bị kiến thức về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, nghiệp vụ công tác Hội	L. người	390
17	Số cơ sở Hội xây dựng được mô hình bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu	Cơ sở	27
18	Hỗ trợ hộ nông dân có tài khoản trên sàn thương mại điện tử	Hộ	600
19	Trực tiếp, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nghề cho hội viên và lao động nông thôn	Người	600
20	Cơ sở hội xây dựng mới được mô hình tự quản về an ninh trật tự	Mô hình	06